HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 93 /NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Tạm giao biên chế công chức hành chính, quyết định tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 37-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 121-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 1373-QĐ/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tạm giao tổng biên chế của khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 1374-QĐ/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế của các hội có tính chất đặc thù tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 289/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tinh Thái Nguyên về việc giải trình, làm rõ các nội dung trình Kỳ họp thứ mười, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tạm giao biên chế công chức hành chính năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên cho các cơ quan quản lý, sử dụng là: 1.911 biên chế.

Điều 2. Quyết định tạm giao tổng số biên chế sự nghiệp của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là: 24.666 biên chế, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 19.473 biên chế;

+ Sự nghiệp y tế: 3.361 biên chế;

+ Sự nghiệp văn hóa, thông tin - thể thao: 441 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 1.378 biên chế.

+ Biên chế sự nghiệp dự phòng 13 biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Điều 3. Giao biên chế của các hội có tính chất đặc thù là: 73 biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục 1

PHÂN BỔ TẠM GIAO BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 93 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp	Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp				
				Tổng số	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	Tổng số	**26.577**	**1.911**	**24.666**	**19.473**	**3.361**	**441**	**1.378**
A	**Cấp tỉnh**	**8.061**	**1.107**	**6.954**	**2.426**	**3.361**	**307**	**860**
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	42	42	-	-	-	-	-
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	103	59	44	-	-	-	44
3	Ban Dân tộc	16	16	-	-	-	-	-
4	Sở Ngoại vụ	18	18	-	-	-	-	-
5	Sở Nội vụ	94	63	31	-	-	-	31
6	Thanh tra tỉnh	37	37	-	-	-	-	-
7	Sở Tư pháp	73	24	49	-	-	-	49
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61	44	17	-	-	-	17
9	Sở Công Thương	87	46	41	-	-	-	41
10	Sở Giao thông vận tải	72	53	19	-	-	-	19
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	117	65	52	-	-	-	52
12	Sở Xây dựng	40	40	-	-	-	-	-
13	Sở Tài chính	57	57	-	-	-	-	-
14	Sở Khoa học và Công nghệ	54	33	21	-	-	-	21
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	361	53	308	-	14	-	294
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	454	246	208	-	-	-	208
17	Sở Y tế	3.395	51	3.344	-	3.344	-	-
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.161	49	2.112	2.112	-	-	-
19	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	307	45	262	29	3	193	37
20	Sở Thông tin và Truyền thông	60	28	32	-	-	-	32
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	53	38	15	-	-	-	15
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	114	-	114	-	-	114	-
23	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	285	-	285	285	-	-	-

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp	Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp				
				Tổng số	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác
B	**Cấp huyện**	**18.503**	**804**	**17.699**	**17.047**	**-**	**134**	**518**
24	UBND thành phố Thái Nguyên	3.815	131	3.684	3.559	-	39	86
25	UBND thành phố Sông Công	970	72	898	858	-	9	31
26	UBND huyện Đồng Hỷ	1.600	84	1.516	1.445	-	10	61
27	UBND huyện Phú Lương	1.634	84	1.550	1.473	-	14	63
28	UBND huyện Đại Từ	2.637	95	2.542	2.449	-	12	81
29	UBND thành phố Phổ Yên	2.267	81	2.186	2.121	-	11	54
30	UBND huyện Phú Bình	2.138	83	2.055	1.997	-	12	46
31	UBND huyện Định Hoá	1.734	84	1.650	1.583	-	13	54
32	UBND huyện Võ Nhai	1.708	90	1.618	1.562	-	14	42
C	**Biên chế sự nghiệp dự phòng**			**13**				

Phụ lục 2

GIAO BIÊN CHẾ CỦA CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ

(Kèm theo Nghị quyết số: 93/NQ-HĐND ngày 08 tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế của các hội có tính chất đặc thù
	Tổng số	**73**
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	14
2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	10
3	Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên	11
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	11
5	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên	6
6	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	3
7	Hội Chữ thập đỏ thành phố Thái Nguyên	2
8	Hội Chữ thập đỏ huyện Đồng Hỷ	2
9	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Lương	2
10	Hội Chữ thập đỏ huyện Đại Từ	3
11	Hội Chữ thập đỏ thành phố Phổ Yên	2
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Bình	3
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Hoá	1
14	Hội Chữ thập đỏ huyện Võ Nhai	3